

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ 4/2009**

**CTY CP CHỨNG KHOÁN TP.HCM  
(BÁO CÁO TỔNG HỢP)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Lầu 1, 2, 3 Captital Place, 6 Thái Văn Lung - Quận 1 - TP. HCM

Điện thoại: 38 233 299 Fax: 38 233 301

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT***Quý 4 năm 2009***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009****I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Đơn vị tính: VND*

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>1.919.220.833.747</b>	<b>2.024.090.197.031</b>
1	Tiền	1.125.057.004.257	826.814.983.238
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác	337.914.369.556	299.584.596.306
	- Chứng khoán tự doanh	409.251.411.167	380.675.326.818
	- Chứng khoán ngắn hạn của người ủy thác đầu tư		
	- Đầu tư ngắn hạn khác		
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn	(71.337.041.611)	(81.090.730.512)
3	Các khoản phải thu	452.041.101.452	671.615.132.485
4	Vật liệu, công cụ tồn kho	-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	4.208.358.482	226.075.485.002
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>255.310.076.158</b>	<b>65.425.618.701</b>
1	Tài sản cố định	14.096.099.711	16.058.281.503
	- TSCĐ hữu hình	7.272.285.890	8.150.351.057
	- TSCĐ thuê tài chính		
	- TSCĐ vô hình	6.823.813.821	7.907.930.446
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	230.486.972.604	20.596.836.384
	- Chứng khoán tự doanh	230.486.972.604	20.596.836.384
	- Đầu tư vào các công ty liên kết	-	-
	- Đầu tư dài hạn khác	-	-
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn	-	-
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.633.854.950	2.129.518.516
4	Tài sản dài hạn khác	9.093.148.893	26.640.982.298
<b>III</b>	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>2.174.530.909.905</b>	<b>2.089.515.815.732</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>645.846.827.477</b>	<b>541.119.290.043</b>
1	Nợ ngắn hạn	644.693.985.727	539.336.940.043
2	Nợ dài hạn	1.152.841.750	1.782.350.000
<b>V</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.528.684.082.428</b>	<b>1.548.396.525.689</b>
1	Vốn góp ban đầu	394.634.000.000	394.634.000.000
2	Vốn bổ sung	757.828.775.000	757.828.775.000
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	378.147.307.428	397.870.550.689
4	Vốn điều chỉnh	(1.926.000.000)	(1.936.800.000)
<b>VI</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>2.174.530.909.905</b>	<b>2.089.515.815.732</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Lầu 1, 2, 3 Captital Place, 6 Thái Văn Lung - Quận 1 - TP. HCM

Điện thoại: 38 233 299 Fax: 38 233 301

**II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**  
*(Áp dụng đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính, tín dụng...)*

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Quý 4/2009</b>	<b>Quý 4/2008</b>
1	Doanh thu	163.433.891.554	148.849.568.886
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	163.433.891.554	148.849.568.886
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	80.716.679.242	57.457.961.501
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	82.717.212.312	91.391.607.385
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.972.770.462	75.266.492.229
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	67.744.441.850	16.125.115.156
8	Lợi nhuận khác	-	(843.729)
9	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.744.441.850	16.124.271.427
10	Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.178.807.959	-
11	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	59.565.633.891	16.124.271.427
13	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-

Ngày 15 tháng 01 năm 2010

**Người lập biểu****Kế Toán Trưởng****Tổng Giám Đốc****Phạm Ngọc Quang****Lâm Hữu Hồ****Johan Nyvene**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Quý 4 năm 2009*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>2.024.090.197.031</b>	<b>424.512.702.959</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>826.814.983.238</b>	<b>134.722.054.635</b>
1. Tiền	111	4	826.814.983.238	134.722.054.635
<i>Trong đó :</i>				
<i>- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>				
<i>- Tiền của người ủy thác đầu tư</i>				
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<i>Trong đó : Tiền của người ủy thác đầu tư</i>				
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>299.584.596.306</b>	<b>179.621.648.637</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	380.675.326.818	369.171.202.766
2. Đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư	122		-	
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5	(81.090.730.512)	(189.549.554.129)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>671.615.132.485</b>	<b>98.966.106.292</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		1.129.867.100	2.974.849.166
2. Trả trước cho người bán	132			41.746.440
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6	682.858.883.048	107.556.307.352
5. Các khoản phải thu khác	138	6	8.473.620.071	21.047.148.057
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(20.847.237.734)	(32.653.944.723)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>226.075.485.002</b>	<b>11.202.893.395</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.647.183.496	2.543.001.944
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	3.444.081
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		4.151.843.810	7.675.279.835
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157	7	217.000.000.000	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.276.457.696	981.167.535

**Bảng cân đối kế toán****Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN ( 200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>65.425.618.701</b>	<b>1.054.696.973.332</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>210</b>		<b>18.187.800.019</b>	<b>15.706.708.794</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	8.150.351.057	7.794.520.395
<i>Nguyên giá</i>	222		16.659.017.280	12.702.454.983
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.508.666.223)	(4.907.934.588)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	7.907.930.446	7.107.457.937
<i>Nguyên giá</i>	228		12.022.890.751	8.645.993.297
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.114.960.305)	(1.538.535.360)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230	10	2.129.518.516	804.730.462
<b>III. Bất động sản tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>20.596.836.384</b>	<b>1.029.296.669.128</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		20.596.836.384	1.029.296.669.128
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254	5	20.596.836.384	1.029.296.669.128
<i>Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258			
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259			
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>26.640.982.298</b>	<b>9.693.595.410</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	21.929.076.164	7.501.290.698
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	12	2.339.036.386	1.124.409.808
4. Tài sản dài hạn khác	268	13	2.372.869.748	1.067.894.904
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.089.515.815.732</b>	<b>1.479.209.676.291</b>

**Bảng cân đối kế toán**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ ( 300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>541.119.290.043</b>	<b>155.761.925.505</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>539.336.940.043</b>	<b>154.427.388.005</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	190.744.300
3. Người mua trả tiền trước	313		-	889.892.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	35.830.723.378	1.555.221.261
5. Phải trả người lao động	315		-	1.710.350.258
6. Chi phí phải trả	316	15	9.216.419.476	749.578.520
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		445.707.013.563	135.195.579.351
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		1.898.531.325	1.210.851.120
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	16	46.684.252.301	12.925.171.195
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.782.350.000</b>	<b>1.334.537.500</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn	335		-	-
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	336		-	-
7. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	337		1.782.350.000	1.334.537.500
8. Dự phòng phải trả dài hạn	338		-	-
9. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	17	<b>1.548.396.525.689</b>	<b>1.323.447.750.786</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.538.501.008.773</b>	<b>1.316.045.764.658</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		394.634.000.000	394.634.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		757.828.775.000	757.828.775.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.936.800.000)	(645.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển	417		3.961.374.994	3.961.374.994
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		54.097.834.988	26.458.301.498
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.110.411.526	1.538.895.415
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		328.805.412.265	132.269.417.751
<b>II. Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>	<b>430</b>		<b>9.895.516.916</b>	<b>7.401.986.128</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.089.515.815.732</b>	<b>1.479.209.676.291</b>

Ngày 15 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Phạm Ngọc Quang

Lâm Hữu Hồ

Johan Nyvene

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>5.</b>	<b>Ngoại tệ các loại</b>	<b>005</b>		<b>34.444.217</b>	<b>122.452.190</b>
<b>6.</b>	<b>Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>		<b>2.041.245.200.000</b>	<b>2.195.049.720.000</b>
<b>6.1</b>	<b>Chứng khoán giao dịch</b>	<b>007</b>		<b>1.883.974.420.000</b>	<b>2.084.337.220.000</b>
6.1.1	Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		144.269.780.000	1.350.616.510.000
6.1.2	Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		1.667.783.750.000	716.019.430.000
6.1.3	Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		71.920.890.000	17.701.280.000
<b>6.2</b>	<b>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>012</b>		<b>85.951.930.000</b>	<b>-</b>
6.2.1	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		1.680.000.000	-
6.2.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		82.997.690.000	-
6.2.3	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		1.274.240.000	-
<b>6.3</b>	<b>Chứng khoán cầm cố</b>	<b>017</b>		<b>43.909.450.000</b>	<b>23.713.200.000</b>
6.3.2	Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		43.909.450.000	23.713.200.000
<b>6.5</b>	<b>Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>027</b>		<b>27.409.400.000</b>	<b>86.999.300.000</b>
6.5.1	Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		4.606.100.000	51.682.000.000
6.5.2	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		22.722.100.000	34.628.800.000
6.5.3	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		81.200.000	688.500.000
<b>7</b>	<b>Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>050</b>		<b>33.059.090.000</b>	<b>-</b>
	<i>Trong đó:</i>			-	-
<b>7.1</b>	<b>Chứng khoán giao dịch</b>	<b>051</b>		<b>32.930.290.000</b>	<b>-</b>
7.1.2	Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		31.623.970.000	-
7.1.3	Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		1.306.320.000	-
<b>7.2</b>	<b>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>056</b>		<b>76.600.000</b>	<b>-</b>
7.2.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		76.600.000	-
<b>7.5</b>	<b>Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>071</b>		<b>52.200.000</b>	<b>-</b>
7.5.2	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		52.200.000	-

Ngày 15 tháng 01 năm 2010

Người Lập Biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Phạm Ngọc Quang

Lâm Hữu Hồ

Johan Nyvene

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính: VND

1	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	2	3		4	5	6	7
1	<b>Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>163.433.891.554</b>	<b>148.849.568.886</b>	<b>491.278.175.712</b>	<b>364.334.324.095</b>
	<i>Trong đó:</i>			-			
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		52.262.353.456	7.578.648.643	121.234.676.662	32.600.815.140
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		59.065.617.281	127.544.637.862	267.812.979.832	229.535.249.035
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-	150.000.000	
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		53.720.510	570.364.065	52.741.959	1.222.102.790
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1.270.778.543	1.542.325.000	2.575.274.646	4.555.892.822
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-	-	-
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	29.195.545	258.774.519	2.940.794.984
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-	-	-
	Doanh thu khác	01.9	18	50.781.421.764	11.584.397.771	99.193.728.094	93.479.469.324
2	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>			-	-	-
3	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>163.433.891.554</b>	<b>148.849.568.886</b>	<b>491.278.175.712</b>	<b>364.334.324.095</b>
4	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	19	<b>80.716.679.242</b>	<b>57.457.961.501</b>	<b>131.126.700.465</b>	<b>231.716.045.119</b>
5	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>82.717.212.312</b>	<b>91.391.607.385</b>	<b>360.151.475.247</b>	<b>132.618.278.976</b>
6	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	20	<b>14.972.770.462</b>	<b>75.266.492.229</b>	<b>38.272.543.336</b>	<b>109.071.038.670</b>
7	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>67.744.441.850</b>	<b>16.125.115.156</b>	<b>321.878.931.911</b>	<b>23.547.240.306</b>
8	<b>Thu nhập khác</b>	<b>31</b>			-	<b>14.434.532.505</b>	<b>166.349.412</b>
9	<b>Chi phí khác</b>	<b>32</b>			<b>843.729</b>	-	<b>170.578.606</b>
10	<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	21		<b>(843.729)</b>	<b>14.434.532.505</b>	<b>(4.229.194)</b>
11	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>67.744.441.850</b>	<b>16.124.271.427</b>	<b>336.313.464.416</b>	<b>23.543.011.112</b>
12	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>		<b>8.178.807.959</b>	-	<b>58.194.145.781</b>	-
13	<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>		-	-	-	-
14	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (70=60-61-62)</b>	<b>60</b>		<b>59.565.633.891</b>	<b>16.124.271.427</b>	<b>278.119.318.635</b>	<b>23.543.011.112</b>
15	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>					

Ngày 15 tháng 01 năm 2010

Người lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Phạm Ngọc Quang

Lâm Hữu Hồ

Johan Nyvene



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Lầu 1, 2, 3 Capital Place, 6 Thái Văn Lung - Quận 1 - TP. HCM

Điện thoại: 38 233 299 Fax: 38 233 301

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)**Quý 4 năm 2009*

Đơn vị tính: VNĐ

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		336.313.464.416	23.543.011.111
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			(503.105.756.562)	(46.138.709.174)
-	Khấu hao tài sản cố định	02		6.177.156.580	2.942.605.947
-	Các khoản (hoàn nhập)/lập dự phòng	03		(119.817.718.106)	191.055.977.813
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05		(389.465.195.036)	(240.137.292.934)
-	Chi phí lãi vay	06		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</i>	08		(166.792.292.146)	(22.595.698.063)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(777.130.330.681)	(17.092.225.846)
-	Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10		-	-
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		315.893.647.213	(519.793.045.627)
-	Tăng giảm chi phí trả trước	12		(15.531.967.018)	(1.987.955.950)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(19.802.631.429)	(14.935.361.705)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.350.982.299)	(1.435.501.590)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(664.714.556.360)	(577.839.788.781)
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.658.247.805)	(8.887.612.519)
2.	Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.362.047.109.931)	(2.823.104.230.517)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	26		3.535.407.687.793	2.163.685.985.355
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	29		213.300.325.866	130.950.809.797
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		1.378.002.655.923	(537.355.047.884)

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
			-	
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		-	
1.	Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	706.363.490.000
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(430.600.000)	(215.000.000)
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33	-	-
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.764.570.960)	(38.019.370.899)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(21.195.170.960)</b>	<b>668.129.119.101</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>692.092.928.603</b>	<b>(447.065.717.564)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>134.722.054.635</b>	<b>581.787.772.199</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>826.814.983.238</b>	<b>134.722.054.635</b>

-

Ngày 15 tháng 01 năm 2010

**Người Lập Biểu**

**Kế Toán Trưởng**

**Tổng Giám Đốc**

**Phạm Ngọc Quang**

**Lâm Hữu Hồ**

**Johan Nyvene**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

## **THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009**

### **1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 23 tháng 4 năm 2003, và Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 11/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 4 năm 2003.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1, 2 và 3, số 6 Thái Văn Lung, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại Hà Nội, các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 là: 212 người (31 tháng 12 năm 2008: 169 người).

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:**

Kết quả quý IV/2009 của Công ty khả quan hơn nhiều lần so với kết quả cùng kỳ năm trước là do các nguyên nhân chính yếu như sau:

- Giao dịch chứng khoán sôi động trên thị trường, giá trị giao dịch chứng khoán tăng dẫn đến doanh thu môi giới chứng khoán trong quý IV/2009 tăng cao làm doanh thu chung của Công ty tăng so với cùng kỳ năm 2008;
- Cùng với đà tăng điểm của chỉ số giao dịch chứng khoán trên thị trường vào cuối năm cùng với việc hiện thực hóa danh mục chứng khoán đầu tư tự doanh với giá cao hơn mức trích lập dự phòng giảm giá vào cuối năm 2008, việc hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán trong quý IV/2009 góp phần tích cực vào kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2009.

### **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

#### **2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng**

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

## **THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty thực hiện áp dụng Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

### **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### **2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đồng tiền kế toán**

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

### **3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### **3.3 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 4 năm

### 3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng
- ▶ Chi phí thuê văn phòng
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**3.8 Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

*Chứng khoán thương mại*

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Bất kỳ một khoản giảm giá của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Chứng khoán sẵn sàng để bán*

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Công ty nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường. Chứng khoán sẵn sàng để bán luôn được hạch toán theo giá mua. Lãi dự thu được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian nắm giữ ước tính còn lại của chứng khoán.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán bị giảm giá trị khi có sự suy giảm “trọng yếu” hoặc “kéo dài” của giá trị hợp lý của tài sản thấp hơn so với nguyên giá hoặc khi có bằng chứng khách quan khác cho thấy khả năng giảm giá trị của tài sản. Việc xác định tính “trọng yếu” và “kéo dài” đòi hỏi đánh giá chủ quan và ước tính. Công ty thường đánh giá sự suy giảm là trọng yếu khi mức độ suy giảm giá trị lớn hơn 20% và sự suy giảm được cho là “kéo dài” khi thời gian này lớn hơn 6 tháng. Ngoài ra, Công ty cũng tính đến các nhân tố khác như sự biến động của giá cổ phiếu.

Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục Chi phí hoạt động kinh doanh.

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn 6 tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty sẽ chuyển sang trích đóng bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**3.12 Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ là công cụ vốn chủ sở hữu được công ty mua lại, trình bày trên phần nguồn vốn như một khoản giảm vốn chủ sở hữu, bằng với chi phí mua lại. Công ty không ghi nhận

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009**

các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**3.15 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra**

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu dài hạn bán ra.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009**

hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Tiền mặt	288.475.354	406.867.526
Tiền gửi ngân hàng	826.526.507.884	134.315.187.109
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>826.814.983.238</b>	<b>134.722.054.635</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

<i>VNĐ</i>					
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị theo số kế toán</i>	<i>So với giá thị trường</i>		<i>Tổng giá trị theo giá thị trường</i>
			<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>8.750.744</b>	<b>380.675.326.818</b>	<b>7.901.265.911</b>	<b>(81.090.730.512)</b>	<b>307.485.862.217</b>
- Cổ phiếu niêm yết	3.348.138	180.812.249.316	1.581.829.211	(23.505.513.982)	158.888.564.545
- Cổ phiếu chưa niêm yết	5.081.861	167.788.577.502	6.319.436.700	(57.585.216.530)	116.522.797.672
- Trái phiếu địa phương	320.745	32.074.500.000	-		32.074.500.000
<b>II. Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>	<b>200.000</b>	<b>20.596.836.384</b>	<b>1.428.563.616</b>	<b>-</b>	<b>22.025.400.000</b>
- Trái phiếu	200.000	20.596.836.384	1.428.563.616	-	22.025.400.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5.1 Chứng khoán thương mại**

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2009</i>	<i>năm 2008</i>
Đầu tư ngắn hạn	380.675.326.818	369.171.202.766
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	<u>(81.090.730.512)</u>	<u>(189.549.554.129)</u>
<b>Giá trị thuần đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b><u>229.584.596.306</u></b>	<b><u>179.621.648.637</u></b>

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá*

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2009</i>	<i>năm 2008</i>
Dự phòng giảm giá đầu kỳ	189.549.554.129	32.082.058.539
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	41.831.228.559	184.995.623.155
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(150.290.052.176)</u>	<u>(27.528.127.565)</u>
<b>Dự phòng giảm giá cuối kỳ</b>	<b><u>81.090.730.512</u></b>	<b><u>189.549.554.129</u></b>

**5.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán**

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2009</i>	<i>năm 2008</i>
Trái phiếu Chính phủ	20.596.836.384	931.435.755.000
Trái phiếu địa phương	-	32.074.500.000
Trái phiếu công ty	-	65.776.414.128
Trái phiếu ngân hàng	-	10.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.596.836.384</u></b>	<b><u>1.029.296.669.128</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
<b>1. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	<b>682.858.883.048</b>	<b>107.556.307.352</b>
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán	24.809.435.962	8.142.931.000
- Phải thu dịch vụ kinh doanh	-	1.745.500.000
- Phải thu nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	630.156.074.183	37.428.720.378
- Phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán	27.893.372.903	60.239.155.974
<b>2. Các khoản phải thu khác</b>	<b>8.473.620.071</b>	<b>21.047.148.057</b>
- Ký quỹ đấu giá	142.909.000	2.259.671.282
- Đặt cọc mua tài sản	-	5.610.000.000
- Phải thu lãi trái phiếu	5.276.895.771	6.338.771.770
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	2.863.305.148	6.580.000.000
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	190.510.152	258.705.005
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>691.332.503.119</b>	<b>131.578.304.575</b>

**7. GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ**

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Trái phiếu chính phủ	57.987.150.000	-
Trái phiếu ngân hàng	159.012.850.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>217.000.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>VNĐ</i>		
	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	3.219.787.884	9.482.667.099	12.702.454.983
- Mua trong năm	-	1.959.243.262	1.959.243.262
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.997.319.035	1.997.319.035
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>3.219.787.884</u>	<u>13.439.229.396</u>	<u>16.659.017.280</u>
<b>Giá trị hao mòn:</b>			
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	881.648.738	4.026.285.850	4.907.934.588
Tăng trong năm	<u>538.904.647</u>	<u>3.061.826.988</u>	<u>3.600.731.635</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>1.420.553.385</u>	<u>7.088.112.838</u>	<u>8.508.666.223</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	<u>2.338.139.146</u>	<u>5.456.381.249</u>	<u>7.794.520.395</u>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	<b><u>1.799.234.499</u></b>	<b><u>6.351.116.558</u></b>	<b><u>8.150.351.057</u></b>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>VNĐ</i>
	<i>Phần mềm tin học</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	8.645.993.297
- Mua trong năm	86.672.046
- Chuyển từ chi phí XDCB	<u>3.290.225.408</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>12.022.890.751</u>
<b>Giá trị hao mòn:</b>	
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	1.538.535.360
- Tăng trong năm	<u>2.576.424.945</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>4.114.960.305</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	<u>7.107.457.937</u>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	<b><u>7.907.930.446</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm chi phí mua và lắp đặt hệ thống công nghệ thông tin.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Chi phí cải tạo văn phòng	2.235.788.813	4.645.047.714
Trả trước tiền thuê văn phòng	17.903.553.777	1.310.423.274
Trả trước vật dụng văn phòng	1.789.733.574	1.545.819.710
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.929.076.164</u></b>	<b><u>7.501.290.698</u></b>

**12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các trung tâm giao dịch chứng khoán.

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004. Quyết định 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Quyết định 17/2005/QĐ-TTLK ngày 2 tháng 4 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi trung tâm giao dịch chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% (năm 2008: 0,008%) tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Số dư đầu kỳ	1.124.409.808	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.161.725.073	978.922.732
Tiền lãi nhận được	52.901.505	25.487.076
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>2.339.036.386</u></b>	<b><u>1.124.409.808</u></b>

**13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

Đây là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng hoạt động của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2009</i>	<i>năm 2008</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.868.078.327	-
Thuế giá trị gia tăng	84.967.998	231.025.959
Các loại thuế khác	877.677.053	1.324.195.302
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>35.830.723.378</u></b>	<b><u>1.555.221.261</u></b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2009</i>	<i>năm 2008</i>
Phí môi giới phải trả cho SGDCK	1.925.527.037	653.578.520
Chi phí hoa hồng môi giới	-	80.000.000
Chi phí phải trả khác	7.290.892.439	16.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.216.419.476</u></b>	<b><u>749.578.520</u></b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2009</i>	<i>năm 2008</i>
Cổ tức HCM phải trả cho cổ đông	42.405.496.459	11.987.751.419
Kinh phí công đoàn	650.236.221	512.795.771
Bảo hiểm xã hội	137.363.075	174.878.436
Bảo hiểm y tế	115.988.459	112.065.900
Bảo hiểm thất nghiệp	74.745.260	-
Người mua trả trước	3.026.000.000	-
Các khoản phải trả khác	274.422.827	137.679.669
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>46.684.252.301</u></b>	<b><u>12.925.171.195</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**17. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VNĐ								
	<i>Vốn góp</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Cho giai đoạn 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>									
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>394.634.000.000</b>	<b>757.828.775.000</b>	<b>(645.000.000)</b>	<b>3.961.374.994</b>	<b>26.458.301.498</b>	<b>1.538.895.415</b>	<b>132.269.417.751</b>	<b>7.401.986.128</b>	<b>1.323.447.750.786</b>
- Lợi nhuận trong giai đoạn	-	-	-	-	-	-	278.119.318.635	-	278.119.318.635
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.291.800.000)	-	-	-	-	861.200.000	(430.600.000)
- Trích lập quỹ	-	-	-	-	27.639.533.490	235.430.111	(30.229.264.713)	2.354.301.112	-
- Nộp bổ sung thuế theo quyết toán năm 2008	-	-	-	-	-	-	(128.811.411)	-	(128.811.411)
- Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(663.914.000)	-	(721.970.324)	(1.385.884.324)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(51.225.247.997)	-	(51.225.247.997)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>394.634.000.000</b>	<b>757.828.775.000</b>	<b>(1.936.800.000)</b>	<b>3.961.374.994</b>	<b>54.097.834.988</b>	<b>1.110.411.526</b>	<b>328.805.412.265</b>	<b>9.895.516.916</b>	<b>1.548.396.525.689</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**17. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**17.2 Chi tiết vốn góp**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009		Ngày 31 tháng 12 năm 2008	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp	394.634.000.000	394.634.000.000	394.634.000.000	394.634.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	757.828.775.000	757.828.775.000	757.828.775.000	757.828.775.000
Cổ phiếu quỹ	(1.936.800.000)	(1.936.800.000)	(645.000.000)	(645.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.150.525.975.000</u></b>	<b><u>1.150.525.975.000</u></b>	<b><u>1.151.817.775.000</u></b>	<b><u>1.151.817.775.000</u></b>

**17.3 Cổ phiếu**

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
<b>Số lượng cổ phiếu được phép phát hành</b>	39.463.400	39.463.400
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>		
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	39.463.400	39.463.400
<b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>		
<i>Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	64.560	21.500
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	39.398.840	39.441.900

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu.

**17.4 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Quyết định 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**18. DOANH THU KHÁC**

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2008</i>
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	55.390.431.049	62.932.334.059
Doanh thu từ các cam kết mua và bán lại chứng khoán	6.010.703.454	25.013.885.696
Doanh thu hoạt động ứng trước	4.811.538.359	4.465.331.590
Doanh thu khác	32.981.055.232	1.067.917.979
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>99.193.728.094</u></b>	<b><u>93.479.469.324</u></b>

**19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2008</i>
Chi phí nhân viên trực tiếp	28.099.442.905	11.444.045.092
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	181.104.887.043	83.196.614.490
Chi phí môi giới chứng khoán	19.081.737.455	6.179.164.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.923.915.415	3.554.532.103
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.325.595.986	1.760.901.166
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	318.102.575	140.886.653
Chi phí khác (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	731.842.703	1.384.062.949
	(108.458.823.617)	124.055.842.435
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>131.126.700.465</u></b>	<b><u>231.716.045.119</u></b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2008</i>
Chi phí nhân viên quản lý	21.862.369.535	15.993.114.336
Chi phí thuê văn phòng	9.765.115.822	8.036.943.665
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.481.799.622	10.551.030.262
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	3.746.266.594	2.239.179.267
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.900.535.265	2.176.176.512
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	1.394.816.425	2.557.603.006
Thuế, phí và lệ phí	558.762.469	365.853.097
Chi phí khác (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	369.584.593	1.085.540.647
	(11.806.706.989)	66.065.597.878
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>38.272.543.336</u></b>	<b><u>109.071.038.670</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**21. LỢI NHUẬN KHÁC**

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2008</i>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền góp vốn (*)	14.424.300.000	-
Thu nhập khác	<u>10.232.505</u>	<u>166.349.412</u>
	<b>14.434.532.505</b>	<b>166.349.412</b>
<b>Chi phí khác</b>	<u>-</u>	<u>(170.578.606)</u>
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b><u>14.434.532.505</u></b>	<b><u>(4.229.194)</u></b>

(\*) Đây là khoản thu nhập từ chuyển nhượng quyền đầu tư góp vốn dự án xây dựng nhà ở Công ty TNHH TM Hím Lam.

**22. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Báo cáo tài chính quý IV/2009 được trình bày theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ -BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, do đó một số số liệu của năm 2008 đã được trình bày lại cho phù hợp với hình thức trình bày báo cáo tài chính của kỳ này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 1 năm 2010

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám Đốc**

**Phạm Ngọc Quang**

**Lâm Hữu Hồ**

**Johan Nyvene**